

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2026/DS-ST
Ngày 15-7-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hương

Ông Lâm Dũ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2026/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2026/QĐXXST-DS ngày 11-6-2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Trần Ngọc T; sinh ngày 25-9-1974; địa chỉ nơi cư trú: ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

+ Ông Trần Ngọc D; sinh ngày 01-01-1977; địa chỉ nơi cư trú: ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

+ Bà Trần Ngọc T1; sinh ngày 10-3-1979; địa chỉ nơi cư trú: ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

+ Bà Trần Ngọc K; sinh ngày 26-4-1981; địa chỉ nơi cư trú: Ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Tiến T2; sinh ngày 09-03-1996; địa chỉ nơi cư trú: Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ; theo văn bản ủy quyền ngày 26-11-2025. (Vắng mặt)

+ Bà Lâm Thị Hằng N; sinh ngày 26-3-1988; địa chỉ liên hệ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ; theo văn bản ủy quyền ngày 26-11-2025. (Có mặt)

- Bị đơn:

+ Bà Lâm Cẩm T3; sinh năm 1992; địa chỉ nơi cư trú: số nhà A ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

+ Ông Huỳnh Tuấn A; sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Bình E; sinh năm 1988; địa chỉ nơi cư trú: ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-12-2025, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 01-4-2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn Trần Ngọc T, Trần Ngọc D, Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K có người đại diện theo ủy quyền trình bày cho rằng cha ruột của các nguyên đơn là ông Trần Ngọc Đ (sinh năm 1950 - chết năm 2024) và mẹ ruột là bà Hứa Thị H (sinh năm 1953 - chết năm 2023), cha mẹ các nguyên đơn chết không để lại di chúc, các nguyên đơn gồm ông Trần Ngọc T, ông Trần Ngọc D, bà Trần Ngọc T1, bà Trần Ngọc K là con ruột và là những người thừa kế hợp pháp của ông Trần Ngọc Đ và bà Hứa Thị H. Vào năm 2021, khi ông Trần Ngọc Đ còn sống thì có cho bà Lâm Cẩm T3 vay số tiền là 420.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, nhưng bà T3 vẫn chưa đóng được tháng nào. Đến năm 2024, sau khi cha các nguyên đơn qua đời thì các nguyên đơn đã liên hệ với bà T3 để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà T3 thừa nhận có vay tiền của ông Trần Ngọc Đ và nói rằng bà T3 đang gặp khó khăn và xin trả nợ dần hàng tháng, các nguyên đơn cũng chấp nhận. Tuy nhiên, đến nay bà T3 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Sự việc được ban N2, xã N, thành phố Cần Thơ tiến hành hòa giải ngày 04-07-2025 nhưng không thành, bà Lâm Cẩm T3 xác nhận còn nợ tiền nhưng không thống nhất phương án trả.

Các nguyên đơn cho rằng số tiền 420.000.000 đồng trên là khoản nợ chung của bà Lâm Cẩm T3 và chồng là ông Huỳnh Tuấn A vay mục đích chi tiêu chung trong gia đình. Vì vậy, các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền 420.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kèm theo đơn khởi kiện, các nguyên đơn và người đại diện cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau đây: *bản sao tờ khai quan hệ thừa kế; biên bản hòa giải không thành; bản sao trích lục khai tử; giấy ủy quyền; đơn khởi kiện bổ sung; 01 USB hiệu Kingston màu đỏ + bạc (không kiểm tra nội dung bên trong) và tờ tường trình đề ngày 14-5-2026 kèm theo; đơn yêu cầu hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ; 01 USB hiệu DTSE9 màu bạc (không kiểm tra nội dung bên trong) và tờ tường trình đề ngày 15-7-2026 kèm theo.*

Tại phiên tòa, người đại diện các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A phải có

nghĩa vụ liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền 420.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 15-5-2026 và tại phiên tòa, bị đơn Bà Lâm Cẩm T3 trình bày cho rằng ông Huỳnh Tuấn A là chồng của bà, nhưng ông Tuấn A đã sống ly thân ở địa chỉ khác với bà và hiện bà không liên lạc được với ông Tuấn A. Bà Lâm Cẩm T3 vốn có hời của ông Tư T4 (ông Trần Ngọc Đ) số tiền vốn tổng cộng 150.000.000 đồng (không có làm giấy tờ), sau đó ông Tư T4 gom vốn + lãi lại cho bà thành 420.000.000 đồng, bà cũng đã góp lãi cho ông Tư T4 nhiều lần (góp lãi không làm giấy tờ), sau đó Bà Lâm Cẩm T3 có nhờ ông Nguyễn Bình E (ngụ ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ) trả cho ông Tư T4 cho bà số tiền 90.000.000 đồng vốn (cũng không làm giấy tờ), hiện Bà Lâm Cẩm T3 chỉ còn nợ lại ông Tư T4 số tiền vốn 60.000.000 đồng bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng; số tiền nợ này của Bà Lâm Cẩm T3 không liên quan đến ông Tuấn A, do Bà Lâm Cẩm T3 tự liên hệ giao dịch với ông Tư T4.

Tại các biên bản làm việc ngày 11-6-2026, bị đơn ông Huỳnh Tuấn A không có mặt tại nhà tại địa chỉ ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ và không có mặt tại nhà tại địa chỉ ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn và người đại diện, bị đơn T3 và người làm chứng đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn Tuấn A vắng mặt chưa chấp hành theo triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng bà T3, ông Tuấn A liên đới trả tiền nợ 420.000.000 đồng; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Trần Ngọc T, Trần Ngọc D, Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn Bà Lâm Cẩm T3 cư trú ấp Khu B, xã N, thành phố Cần Thơ và ông Huỳnh Tuấn A cư trú ấp Khu A, xã N, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các nguyên đơn Trần Ngọc T, Trần Ngọc D, Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K vắng mặt có người đại diện tham gia phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Tuấn A được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt các nguyên đơn và bị đơn ông Tuấn A.

[2] Qua tờ khai tông chi của các nguyên đơn cung cấp thể hiện ông Trần Ngọc Đ (sinh năm 1950 - chết năm 2024) và bà Hứa Thị H (sinh năm 1953 - chết năm 2023) có người thừa kế gồm ông Trần Ngọc T, ông Trần Ngọc D, bà Trần

Ngọc T1, bà Trần Ngọc K. Do đó, các nguyên đơn Trần Ngọc T, Trần Ngọc D, Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K đứng ra khởi kiện tranh chấp tài sản (tiền vay) trên với Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A theo quy định tại Điều 613, Điều 649 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc vợ chồng Bà Lâm Cẩm T3 và ông Huỳnh Tuấn A liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền nợ vay 420.000.000 đồng, nguyên đơn cung cấp đoạn ghi âm chứa trong *01 USB hiệu Kingston màu đỏ + bạc* và tường trình đề ngày 14-5-2026 kèm theo cho rằng nội dung bà T3 thừa nhận nợ và *01 đoạn ghi âm chứa trong 01 USB hiệu DTSE9 màu bạc* và Tờ tường trình đề ngày 15-7-2026 kèm theo cho rằng nội dung ông Tuấn A thừa nhận nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T3 được nghe công khai đoạn ghi âm chứa trong *01 USB hiệu Kingston màu đỏ + bạc* do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa, theo phía nguyên đơn trình bày cho rằng nội dung ghi âm việc trao đổi thỏa thuận nợ giữa bà Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K với bà Lâm Cẩm T3 (tên gọi khác là N1) tại nhà bà T3 ở ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ vào lúc 17 giờ 22 phút ngày 23-11-2024 có nội dung thể hiện bà T1, bà K có nhắc đến số tiền nợ 420.000.000 đồng và bà T3 (gọi là “Nhí”) không phản đối mà chỉ xin trả dần; tại phiên tòa, bị đơn bà T3 cũng thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm trên là của bà T3 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bà T3 không ai yêu cầu giám định đối với nội dung ghi âm trên và không có yêu cầu hay ý kiến gì khác đối với đoạn ghi âm trên. Tại phiên tòa qua xem xét nghe công khai đoạn ghi âm chứa trong *01 USB hiệu DTSE9 màu bạc* và Tờ tường trình đề ngày 15-7-2026 kèm theo phía nguyên đơn trình bày cho rằng nội dung ghi âm việc trao đổi thỏa thuận nợ giữa bà Trần Ngọc K với ông Huỳnh Tuấn A vào lúc 15 giờ 39 phút ngày 21-3-2025 qua điện thoại có nội dung thể hiện bà K đòi nợ vợ chồng bà T3, ông Tuấn A số tiền nợ 420.000.000 đồng thì ông Tuấn A không phản đối mà chỉ xin trả dần; tại phiên tòa, bị đơn bà T3 cũng thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm trên là của ông Tuấn A và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bà T3 không ai yêu cầu giám định đối với nội dung ghi âm trên và không có yêu cầu hay ý kiến gì khác đối với đoạn ghi âm trên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Việc Bà Lâm Cẩm T3 thừa nhận Bà Lâm Cẩm T3 có hỏi của ông Tư T4 (ông Trần Ngọc Đ) số tiền vốn tổng cộng 150.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ, sau đó ông Tư T4 (ông Trần Ngọc Đ) gom vốn + lãi lại thành số tiền 420.000.000 đồng, bà đã góp lãi cho ông Tư T4 (ông Trần Ngọc Đ) nhiều lần nhưng không làm giấy tờ; sau đó Bà Lâm Cẩm T3 có nhờ ông Nguyễn Bình E trả cho ông Tư T4 (ông Trần Ngọc Đ) giùm cho bà số tiền 90.000.000 đồng vốn nhưng cũng không làm giấy tờ, hiện Bà Lâm Cẩm T3 chỉ còn nợ lại ông Tư T4 (ông Trần Ngọc Đ) số tiền vốn 60.000.000 đồng bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng cũng không

cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sự việc như bà T3 trình bày trên. Tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Bình E trình bày cho rằng có trả cho ông Tư T4 (ông Trần Ngọc Đ) giùm cho bà T3 số tiền 90.000.000 đồng nhưng cũng không làm giấy tờ và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Xét thấy, bà T3 phản đối các nội dung trên nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc phản đối trên theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Việc bà T3 trình bày cho rằng bà đã sống ly thân với ông Tuấn A và không liên lạc được với ông Tuấn A; tại công văn số: 367/CV-CAX ngày 5-6-2026 Công an xã N, thành phố Cần Thơ cung cấp thông tin ông Huỳnh Tuấn A có vợ là Lâm Cẩm T3 có đăng ký thường trú tại ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ và hiện tại vẫn đang sinh sống tại địa phương; tại biên bản làm việc ngày 11-6-2026 thể hiện ông Huỳnh Tuấn A không có mặt tại nhà tại địa chỉ ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ. Xét thấy, như phân tích trên, do Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A phát sinh giao dịch nợ của ông Đại số tiền 420.000.000 đồng trong thời kỳ hôn nhân giữa Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A chung sống và số tiền trên bà T3 trình bày để sử dụng kinh doanh phục vụ nhu cầu thiết yếu cuộc sống gia đình của bà gồm có bà T3, ông Tuấn A và các con. Vì vậy, có cơ sở xác định vợ chồng Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A nợ của ông Đại số tiền 420.000.000 đồng, do đó, các nguyên đơn Trần Ngọc T, Trần Ngọc D, Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K khởi kiện yêu cầu vợ chồng Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A phải liên đới trả số tiền nợ trên là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, các nguyên đơn không phải chịu án phí theo hướng dẫn tại điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2025); khoản 1 Điều 280, Điều 463, Điều 613, Điều 649 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông/bà Trần Ngọc T, Trần Ngọc D, Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K đối với vợ chồng bị đơn Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A.

1.1. Buộc Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho các ông/bà Trần Ngọc T, Trần Ngọc D, Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K số tiền 420.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm hai mươi triệu đồng*).

1.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc Bà Lâm Cẩm T3, ông Huỳnh Tuấn A phải liên đới chịu 20.800.000 đồng;

+ Các ông/bà Trần Ngọc T, Trần Ngọc D, Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông/bà Trần Ngọc T, Trần Ngọc D, Trần Ngọc T1, Trần Ngọc K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.400.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001038 ngày 15-01-2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPCT;
- VKSND KV8-CT;
- THADS TPCT (KV8);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Kim Nhân